bàn bạc cách sử dụng và giám sát việc sử dụng. Giám đốc xí nghiệp chịu trách nhiệm đề ra kế hoạch và hướng dẫn việc sử dụng quỹ khen thưởng, có sự tham gia của Ban chấp hành công đoàn.

Ban chấp hành công đoàn đề ra phương hướng và kế hoạch sử dụng quỹ phúc lợi và đưa ra đại hội công nhân, viên chức của xí nghiệp thảo luận và quyết định.

Điều 36. — Quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi được tạm trích trước hàng quý. Căn cứ vào kết quả công tác từng quý, xí nghiệp lập bảng trích quỹ phúc lợi và quỹ khen thưởng và bảng báo cáo quyết toán (tổng kết tài sản) quý gửi lên Bộ chủ quản xí nghiệp. Sau khi được duyệt, thì tạm trích trước 50% quỹ phúc lợi và quỹ khen thưởng được trích của quý.

Hết năm, căn cứ vào mức trích quỹ phúc lợi và quỹ khen thưởng cả năm, xí nghiệp phải thanh toán số quỹ đã tạm trích trong các quý, còn thiếu thì trích thêm, nếu trích thừa thì nộp trả vào công quỹ.

Điều 37. — Việc xét duyệt quỹ phúc lợi và quỹ khen thưởng quy định như sau :

— Bộ chủ quản xét duyệt cho các xí nghiệp thuộc trung ương quản lý, sau khi bàn với Bộ Tài chính ;

— Ủy ban hành chính tỉnh, thành phố xét duyệt cho các xí nghiệp thuộc địa phương quản lý, sau khi bàn với Sở, Ty tài chính.

Điều 38. — Căn cứ vào mức quỹ đã được xét duyệt hàng quý và cả năm, giám đốc xí nghiệp trích lập các quỹ nói trên theo đúng chế độ của Nhà nước. Cơ quan chủ quản xí nghiệp, cơ quan tài chính, cơ quan lao động và Tổng công đoàn có nhiệm vụ kiểm tra việc trích lập và sử dụng các quỹ này.

Điều 39. — Giám đốc xí nghiệp có nhiệm vụ tổ chức hạch toán quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi theo đúng chế độ kế toán của Nhà nước, lập quyết toán và báo cáo 6 tháng và hàng năm với đại hội công nhân, viên chức xí nghiệp và với cơ quan cấp trên. Kế toán trưởng có trách nhiệm giúp giám đốc xí nghiệp hạch toán và báo cáo chính xác các việc nói trên.

Điều 40. — Trong các báo cáo hàng quý, hàng năm của xí nghiệp, phải ghi rõ số tiền quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi được trích và số tiền đã chi dùng theo từng khoản.

MỤC VI — GÓP VỐN XÂY DỰNG CƠ BẢN TẬP TRUNG VÀ BỔ SUNG VỐN LƯU ĐỘNG THEO KẾ HOẠCH

Điều 41. — Để phát huy tính chủ động, tích cực của xí nghiệp, xí nghiệp nào có kế hoạch xây dựng cơ bản (ngoài phần do quỹ khuyến khích phát triển sản xuất gánh chịu) hoặc có yêu cầu tăng thêm vốn lưu động theo kế hoạch được Nhà nước duyệt thì được dùng phần lợi nhuận còn lại (sau khi đã trích nộp vào Ngân sách Nhà nước và trích lập ba quỹ theo chế độ) để chi vào hai việc nói trên. Nếu số tiền còn lại không đủ thì ngân sách Nhà nước cấp thêm.

Hàng năm đi đôi với việc lập kế hoạch phân phối, sử dụng lợi nhuận, xí nghiệp phải lập kế hoạch vốn xây dựng cơ bản và kế hoạch vốn lưu động, kế hoạch này được duyệt thì mới được trích hoặc được cấp phát thêm nếu thiếu. Nếu không có kế hoạch sử dụng số vốn đó, thì phải nộp nốt phần lợi nhuận còn lại vào ngân sách Nhà nước. Nếu được trích rồi nhưng cuối năm sử dụng không hết thì số còn lại cũng nộp vào ngân sách Nhà nước.

Điều lệ này được ban hành kèm theo nghị định số 236-CP ngày 10-12-1970 của Hội đồng Chính phủ.

Hà-nội ngày 10 tháng 12 năm 1970

T.M. Hội đồng Chính phủ
K.T. Thủ tướng Chính phủ
Phó Thủ tướng
LÊ THANH NGHỊ

NGHỊ ĐỊNH số 242-CP ngày 31-12-1971 ban hành Điều lệ về việc lập, thẩm tra, xét duyệt thiết kế các công trình xây dựng.

HỘI ĐỒNG CHÍNH PHỦ

Để tăng cường quản lý công tác thiết kế các công trình xây dựng ;

Xét đề nghị của ông Chủ nhiệm Ủy ban Kiến thiết cơ bản Nhà nước (tờ trình số 566-UB/CT ngày 1-12-1970) ;

Căn cứ nghị quyết của Hội nghị Thường vụ Hội đồng Chính phủ ngày 2-12-1970.

NGHỊ ĐỊNH

Điều 1. — Nay ban hành kèm theo nghị định này bản Điều lệ về việc lập, thẩm tra, xét duyệt thiết kế các công trình xây dựng.

Điều 2. — Các ông Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, thủ trưởng các cơ quan trực thuộc Hội đồng Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban hành

LawSoft Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com 0967167

chính khu, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành nghị định này.

Điều 3. — Bản điều lệ này có hiệu lực thi hành từ ngày 1 tháng 1 năm 1972.

Tất cả những quy định trước đây trái với nghị định này đều bãi bỏ.

Hà-nội, ngày 31 tháng 12 năm 1971

T.M. Hội đồng Chính phủ
Thủ tướng Chính phủ

PHẠM VĂN ĐỒNG

ĐIỀU LỆ
về việc lập, thẩm tra, xét duyệt thiết kế các công trình xây dựng

Thiết kế là khâu quyết định nội dung kinh tế, kỹ thuật và mỹ thuật của công trình xây dựng. Thiết kế công trình là căn cứ để xác định tiến độ thi công và xác định vốn đầu tư ghi trong kế hoạch xây dựng cơ bản của Nhà nước. Nâng cao chất lượng thiết kế là biện pháp làm cho công trình có công dụng tốt, tiết kiệm vốn đầu tư, tiết kiệm đất xây dựng, rút ngắn thời hạn thi công, sớm đưa công trình vào khai thác, sử dụng.

Hội đồng Chính phủ ban hành bản Điều lệ về việc lập, thẩm tra, xét duyệt thiết kế các công trình xây dựng này nhằm quy định các nguyên tắc quản lý công tác thiết kế, chỉ đạo tổ chức công tác của các đơn vị thiết kế và phân định trách nhiệm giữa các cơ quan có liên quan.

Chương I

NGUYÊN TẮC CHUNG

Điều 1. — Thiết kế công trình xây dựng phải căn cứ vào nhiệm vụ thiết kế và phải theo đúng các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật, các tiêu chuẩn, quy phạm, quy trình thiết kế mà Nhà nước đã ban hành.

Chất lượng thiết kế phải không ngừng được nâng cao, nhằm bảo đảm công trình đạt hiệu quả kinh tế cao, tăng năng suất lao động, hạ giá thành sản phẩm, đồng thời bảo đảm công trình bền vững, gọn nhẹ, mỹ quan, hạ giá thành xây dựng.

Điều 2. — Tất cả các công trình xây dựng đều phải được thẩm tra và xét duyệt thiết kế theo đúng chế độ của Nhà nước. Chống mọi khuynh hướng buông lỏng quản lý thiết kế, hoặc trốn tránh xét duyệt thiết kế.

Điều 3. — Các công trình xây dựng chỉ được khởi công khi đã có thiết kế và dự toán được duyệt, trừ một số công trình đặc biệt có quyết định của Thủ tướng Chính phủ mới được phép vừa thiết kế, vừa thi công.

Chương II

NỘI DUNG CÔNG TÁC THIẾT KẾ

Điều 4. — Các công trình xây dựng được thiết kế theo hai bước :

— Lập thiết kế sơ bộ,

— Lập bản vẽ thi công.

Điều 5. — Những công trình đặc biệt quan trọng, có kỹ thuật phức tạp được thiết kế theo 3 bước :

— Lập thiết kế sơ bộ,

— Lập thiết kế kỹ thuật,

— Lập bản vẽ thi công.

Trong trường hợp thiết kế theo ba bước, phần thiết kế kỹ thuật có thể làm cho toàn bộ công trình hoặc chỉ làm cho những hạng mục công trình có kỹ thuật phức tạp đòi hỏi phải tính toán và cân nhắc kỹ.

Điều 6. — Những công trình xây dựng quy mô nhỏ, kỹ thuật giản đơn chỉ thiết kế một bước : thiết kế sơ bộ đi ngay vào bản vẽ thi công ; tổng dự toán cùng lập một lần, rồi trình duyệt luôn.

Điều 7. — Cơ quan phê chuẩn nhiệm vụ thiết kế quy định bước thiết kế của công trình và ghi rõ trong văn bản phê chuẩn nhiệm vụ thiết kế.

A. THIẾT KẾ SƠ BỘ

Điều 8. — Thiết kế sơ bộ là cụ thể hóa các yếu tố đã nêu trong nhiệm vụ thiết kế của công trình ; cụ thể là :

a) Nêu rõ các khả năng kỹ thuật và điều kiện hợp lý về kinh tế của công trình tại địa điểm được lựa chọn ;

b) Định rõ dây chuyền công nghệ, vận hành, khai thác, sử dụng, sản xuất ;

c) Xác định nguồn cung cấp nguyên liệu, động lực, vật tư, lao động, vận tải cho xây dựng và cho sản xuất ;

d) Định rõ giải pháp kết cấu kiến trúc chủ yếu cho các hạng mục công trình.

e) Tính khối lượng xây lắp, xác định vốn đầu tư chia theo các phần xây lắp, thiết bị, kiến thiết cơ bản khác, cho xây dựng chính và xây dựng phụ ;

g) Xác định khả năng, điều kiện thi công, thời gian xây dựng, thời gian huy động từng phần và toàn bộ công trình vào sử dụng ;

h) Nêu các chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật, so sánh với các công trình đã làm trong nước và ngoài nước ; phân tích hiệu quả vốn đầu tư và tác

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

dụng của công trình đối với sự phát triển của nền kinh tế quốc dân ; phân tích hiệu quả kinh tế của thiết kế.

Điều 9. — Nội dung và hồ sơ thiết kế sơ bộ gồm có :

a) Bản thuyết minh thiết kế :

Phần tổng quát : giới thiệu tóm tắt các phần của thiết kế sơ bộ đã thể hiện theo yêu cầu của nhiệm vụ thiết kế ; trình bày mối quan hệ đối với quy hoạch chung và đối với các công trình lân cận ; thuyết minh các căn cứ kinh tế kỹ thuật để lựa chọn kỹ thuật sản xuất và giải pháp thiết kế.

Phần nội dung công trình :

— Công dụng của công trình ;

— Công suất thiết kế, phương án sản phẩm, tiêu thụ sản phẩm ;

— Quy trình công nghệ, dây chuyền vận hành khai thác, sử dụng, sản xuất, mức độ cơ giới hóa, tự động hóa, hợp tác hóa trong sản xuất, vận hành ;

— Lựa chọn thiết bị, nguồn cung cấp, tính năng các loại thiết bị ;

— Nhu cầu cung cấp nguyên liệu, nhiên liệu, động lực, vận chuyển, lao động cho sản xuất ;

— Trình độ kỹ thuật, mức độ tiên tiến của công trình so với các công trình đã làm trong và ngoài nước ;

— An toàn lao động và an toàn sản xuất ;

— Hướng phát triển, khả năng thay thế thiết bị, cải tiến kỹ thuật và mở rộng công trình.

Phần xây dựng :

— Tổng mặt bằng : diện tích chiếm đất, hệ số xây dựng. Vị trí các hạng mục công trình, diện tích nhà cửa, kho bãi, tầng cao, đường sá, kênh mương, cống rãnh, điện nước, hơi, nhiệt, cây xanh, khoảng cách ly vệ sinh... ;

— Giải pháp kết cấu kiến trúc, khối lượng xây dựng các công trình chính, phụ, nhà ở ;

— Mỹ thuật của công trình ;

— Dự án thiết kế tổ chức thi công : trình bày tổng quát về tiến độ, điều kiện thi công, yêu cầu nhân lực, vận tải, máy móc thi công, nguyên liệu, vật liệu xây dựng chủ yếu cho công trình ; những nét chính về quy mô tổ chức công trường ;

— Thời gian khởi công và hoàn thành xây dựng ; nếu công trình chia ra nhiều năm xây dựng thì định rõ từng đợt xây dựng.

Phần phân tích hiệu quả kinh tế :

— Phân bổ vốn đầu tư theo các phần : xây lắp, thiết bị, kiến thiết cơ bản khác theo tổng khái toán ; tỷ lệ giữa xây dựng chính và xây dựng phụ ;

— Biên chế lao động, tỷ lệ trực tiếp và gián tiếp, năng suất lao động, quỹ tiền lương, chế độ làm việc;

— Chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật phần xây dựng và sản xuất ; đầu tư, giá thành sản phẩm, phí tổn cho một đơn vị sản phẩm, thời gian thu hồi vốn, lợi nhuận xí nghiệp ;

— Sự hợp lý về hiệu quả kinh tế của vốn đầu tư so với các chỉ tiêu đã có của công trình tương tự trong và ngoài nước, tính riêng cho phần sản xuất và phần xây dựng.

b) Bản vẽ thiết kế :

— Bản đồ khu vực địa điểm và địa điểm cụ thể của công trình ;

— Bản vẽ các mặt cắt địa chất, thủy văn, san nền đắp đất ;

— Bản vẽ sơ đồ công nghệ, dây chuyền vận hành, khai thác, sử dụng, sản xuất ;

— Bản vẽ tổng mặt bằng ;

— Bản vẽ các mặt cắt ngang, cắt dọc, mặt đứng của các hạng mục công trình ;

— Bản vẽ các hệ thống kỹ thuật, điện, nước, hơi, nhiệt, đường sá, kênh mương, cống rãnh, chiếu sáng, lắp ráp thiết bị, các công trình chống sét, chống lũ, chống gió, chống động đất và bảo hiểm an toàn lao động v.v... ;

— Bản vẽ các chi tiết kết cấu chủ yếu và các chi tiết khác ;

— Các bản vẽ tổ chức thi công.

Đối với công trình giao thông, thủy lợi, đường dây, đường ống, thì nội dung thiết kế sơ bộ cần thêm các phần :

— Cấp kỹ thuật công trình ;

— Tuyến công trình đi qua và các công trình phải xây dựng trên tuyến đó ;

— Độ dốc, độ võng, các trắc dọc, trắc ngang, bán kính cong ;

— Xử lý các công trình đặc biệt : vượt sông, vượt núi, đầm lầy, chướng ngại vật, cầu, cống, đê, đập, kè, tường chắn, mố trụ, cột, dây, xi-phông, hồ chứa, đường hầm, nền móng v.v...

Tùy theo đặc điểm của các loại công trình nói trên, các ngành cần quy định một số bản vẽ cần thiết khác để trình bày được đầy đủ nội dung của thiết kế sơ bộ.

Điều 10. — Thiết kế cơ bộ là bước thiết kế quan trọng nên yêu cầu phải tính toán kỹ, nghiên cứu chu đáo, phải lập ít nhất từ hai phương án trở lên để so sánh lựa chọn phương

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

án tốt nhất, kinh tế nhất. Trong trường hợp cải tạo hay mở rộng công trình cần trình bày những điểm ưu việt về kinh tế và kỹ thuật so sánh với phương án xây dựng mới ; ngược lại, khi xây dựng mới cần so sánh với khả năng tận dụng khai thác các công trình cũ đã có.

Điều 11. — Những công trình hoặc kết cấu công trình đã có thiết kế mẫu được Nhà nước cho phép áp dụng hoặc đã có thiết kế điển hình do Nhà nước ban hành thì phải nghiên cứu áp dụng trong bước lập thiết kế sơ bộ. Cấm không được thiết kế mới những công trình, hạng mục công trình đã có thiết kế điển hình, trừ trường hợp những công trình đặc biệt được Thủ tướng Chính phủ quyết định cho thiết kế theo yêu cầu riêng. Nếu áp dụng thiết kế điển hình của nước ngoài thì thiết kế điển hình đó phải được Ủy ban Kiến thiết cơ bản Nhà nước xét duyệt trước.

B. THIẾT KẾ KỸ THUẬT

Điều 12. — Thiết kế kỹ thuật được lập trên cơ sở thiết kế sơ bộ được duyệt. Thiết kế kỹ thuật gồm có các phần như thiết kế sơ bộ, nhưng yêu cầu phải tính toán lại các phương án lựa chọn kỹ thuật sản xuất, dây chuyền công nghệ, lựa chọn thiết bị ; so sánh kỹ về các chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật ; kiểm tra tỷ mỷ các số liệu làm căn cứ thiết kế ; chi tiết hóa các bản vẽ thiết kế sơ bộ và khi cần thiết phải lập dự toán và làm thí nghiệm bằng mô hình, sa bàn để thuyết minh.

C. BẢN VẼ THI CÔNG

Điều 13. — Bản vẽ thi công được lập trên cơ sở thiết kế sơ bộ đã được duyệt nếu thiết kế theo 2 bước, hoặc trên cơ sở thiết kế kỹ thuật đã được duyệt nếu thiết kế theo 3 bước.

Điều 14. — Nội dung và hồ sơ bản vẽ thi công gồm có :

— Bản vẽ tổng mặt bằng công trình, định rõ độ cao, khoảng cách giới hạn, cọc mốc cho các công trình kiến trúc, mạng lưới đường sá, kênh mương, cống rãnh, sân bãi, điện, nước, hơi nhiệt v.v... ;

— Bản vẽ các mặt cắt ngang, cắt dọc của các hạng mục công trình. Ghi rõ vị trí kết cấu, thiết bị, điện, nước, các vật sử dụng của công trình ;

— Bản vẽ các chi tiết cấu kết công trình, lắp đặt thiết bị và hệ thống kỹ thuật : trình bày tiết diện, kích thước các mặt cắt, các mối liên kết và sự liên quan giữa các bộ phận ;

Bản vẽ thi công phải có chú thích về quy cách vật liệu, hướng dẫn trình tự và biện pháp thi công, an toàn lao động ; nếu là tài liệu thiết kế do nước ngoài lập thì cần chua tiếng Việt ngay dưới bản vẽ thiết kế.

Điều 15. — Khi lập bản vẽ thi công, không được điều chỉnh hay sửa đổi làm giảm công suất, quy mô xây dựng và tuổi thọ công trình đã được duyệt theo nhiệm vụ thiết kế và thiết kế sơ bộ.

Điều 16. — Khi áp dụng thiết kế điển hình không được sửa đổi hoặc làm lại thiết kế. Nếu cần bổ sung, điều chỉnh bản vẽ thi công của thiết kế điển hình cho phù hợp với hoàn cảnh cụ thể của khu vực xây dựng, thì phải hỏi ý kiến của cơ quan đã duyệt và ban hành thiết kế điển hình đó.

D. KHÁI TOÁN, DỰ TOÁN

Điều 17. — Khái toán công trình kèm theo thiết kế sơ bộ dùng làm căn cứ để :

— Xác định cụ thể vốn đầu tư cho công trình ghi vào kế hoạch xây dựng ngắn hạn và dài hạn của Nhà nước ;

— Ký hợp đồng nguyên tắc giao nhận thầu thi công và chuẩn bị công trường ;

— Tiến hành thiết kế kỹ thuật, lập bản vẽ thi công và lập dự toán.

Điều 18. — Dự toán công trình kèm theo bản vẽ thi công dùng làm căn cứ để :

— Ký hợp đồng cụ thể giao nhận thầu thi công công trình ;

— Lập kế hoạch đầu tư vốn, làm cơ sở để cho vay vốn, thanh toán và tính khối lượng xây dựng ;

— Lập kế hoạch hạ giá thành xây lắp ;

— Quyết toán vốn đầu tư công trình.

Điều 19. — Khái toán lập ra căn cứ vào thiết kế sơ bộ và chỉ tiêu khái toán. Dự toán lập ra căn cứ vào tiên lượng của bản vẽ thi công và đơn giá của Nhà nước tại khu vực xây dựng công trình.

Công trình sử dụng thiết kế điển hình nào thì khái toán lấy theo giá dự toán của thiết kế điển hình đó, có điều chỉnh lại theo đơn giá tại khu vực xây dựng công trình.

Điều 20. — Tổng khái toán lập và trình duyệt một lần với thiết kế sơ bộ, không được trình duyệt thiết kế sơ bộ, khái toán riêng lẻ cho từng hạng mục công trình.

Tổng dự toán lập một lần cho toàn bộ công trình, hoặc có thể lập riêng dự toán cho từng hạng mục công trình kèm theo bản vẽ thi công của hạng mục công trình đó để phục vụ kịp thời cho thi công. Sau khi công trình đã khởi công xây dựng, phải hoàn thành tổng dự toán và bản vẽ thi công cho toàn bộ công trình theo thời hạn chậm nhất sau đây :

— Trong vòng 1/4 thời gian thi công toàn bộ công trình được ghi trong nhiệm vụ thiết kế, nếu công trình xây dựng tại một địa điểm tập trung ;

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

— Trong vòng 1/2 thời gian thi công toàn bộ công trình được ghi trong nhiệm vụ thiết kế, nếu là công trình xây dựng trên tuyến dài hoặc phân tán nhiều nơi.

Riêng những công trình thiết kế một bước, như quy định ở điều 6, thì thiết kế và tổng dự toán phải lập và trình duyệt một lần.

Điều 21. — Việc lập khái toán, dự toán căn cứ vào Điều lệ lập, xét duyệt và quản lý khái toán, dự toán các công trình xây dựng của Nhà nước ban hành.

Điều 22. — Cơ quan làm thiết kế công trình nào phải lập khái toán, dự toán cho công trình đó ; khái toán, dự toán công trình do nước ngoài thiết kế thì do cơ quan chủ quản lập hoặc ký hợp đồng với cơ quan thiết kế trong nước lập.

Điều 23. — Tất cả bản vẽ thiết kế sơ bộ, thiết kế kỹ thuật, bản vẽ thi công; khái toán, dự toán; các bản thuyết minh đều phải đóng thành tập hồ sơ thiết kế với khuôn khổ thống nhất, có mục lục, đánh số, ký hiệu để tra cứu dễ dàng và bảo quản lâu dài.

Chương III

TRÁCH NHIỆM TRONG CÔNG TÁC THIẾT KẾ

Điều 24. — Khi thiết kế công trình; cơ quan thiết kế phải căn cứ vào bản nhiệm vụ thiết kế được duyệt; quán triệt phương châm thiết kế, và phải áp dụng các tiêu chuẩn, quy trình, quy phạm của Nhà nước, đồng thời phải chú ý đến điều kiện thi công, khả năng cung cấp thiết bị, vật tư.

Đối với các tiêu chuẩn nào chưa được Nhà nước ban hành, các ngành có trách nhiệm ở trung ương và các địa phương có thể nghiên cứu áp dụng tiêu chuẩn thiết kế của nước ngoài hoặc quy định tiêu chuẩn tạm thời cho áp dụng trong ngành sau khi được Ủy ban Kiến thiết cơ bản Nhà nước thỏa thuận.

Điều 25. — Cơ quan thiết kế phải chịu trách nhiệm về :

— *Chất lượng của đồ án thiết kế* : thiết kế làm ra phải bảo đảm các yêu cầu sử dụng, khai thác, sản xuất như nhiệm vụ thiết kế đã quy định, bảo đảm các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật đã được quy định, bảo đảm độ bền vững theo tuổi thọ quy định cho công trình ; các số liệu và phương pháp tính toán phải có căn cứ chính xác, hồ sơ thiết kế lập đầy đủ, rõ ràng.

— *Tiến độ thiết kế* : phải thực hiện đúng hợp đồng thiết kế đã ký kết bảo đảm cung cấp đầy đủ và kịp thời thiết kế cho công trường, theo sát công trường để xử lý những trường hợp mới phát sinh, bổ sung và sửa chữa kịp thời những thiếu sót của thiết kế.

Điều 26. — Cần phải nhanh chóng tiến lên thực hiện thiết kế theo chế độ tổng nhận thầu thiết kế : cơ quan giao thầu thiết kế chỉ ký hợp đồng thiết kế với một cơ quan tổng nhận thầu thiết kế, cơ quan tổng nhận thầu tổ chức khảo sát và thiết kế toàn bộ đồ án công trình hoặc có thể giao thầu lại một phần việc cho các cơ quan khảo sát, thiết kế chuyên ngành, cơ quan tổng nhận thầu thiết kế phải chịu trách nhiệm chung về toàn bộ đồ án thiết kế như đã quy định ở điều 25.

Trong các công trình do nước ngoài nhận giúp thiết kế, nếu có những phần việc mà các cơ quan thiết kế trong nước có thể làm được, thì phải phân giao cho các cơ quan ấy đảm nhận.

Điều 27. — Cơ quan thiết kế có các quyền hạn sau đây :

— Bảo vệ đồ án thiết kế khi trình duyệt ;

— Giám sát thi công đúng đồ án thiết kế được duyệt ;

— Tham gia vào việc đánh giá chất lượng thi công, nghiệm thu công trình ;

— Giữ bản quyền thiết kế và thu tiền thiết kế ;

— Cùng với cơ quan chủ quản công trình đề nghị bổ sung hoặc điều chỉnh lại nhiệm vụ thiết kế trong trường hợp những quy định của bản nhiệm vụ thiết kế không thực hiện được;

— Từ chối thiết kế những công trình chưa có nhiệm vụ thiết kế được cấp có thẩm quyền xét duyệt. Cơ quan thiết kế không được phép thiết kế những công trình chưa có nhiệm vụ thiết kế.

Điều 28. — Công tác khảo sát phục vụ trực tiếp cho thiết kế do cơ quan thiết kế phụ trách và chịu trách nhiệm.

Nếu là công trình giao cho cơ quan nước ngoài thiết kế thì công tác khảo sát do cơ quan chủ quản phụ trách và chịu trách nhiệm. Trong trường hợp này, nếu cơ quan chủ quản công trình không có khả năng thăm dò khảo sát, thì có thể giao thầu cho một cơ quan thăm dò khảo sát trong nước làm.

Điều 29. — Khi thiết kế công trình, cơ quan thiết kế phải trao đổi với các cơ quan có trách nhiệm quản lý các mặt như quy hoạch thành phố và khu công nghiệp, thi công, phòng hỏa, cứu hỏa, vệ sinh, an toàn lao động và các ngành liên quan khác để giải quyết những vấn đề có liên quan đến đồ án thiết kế.

Điều 30. — Các cơ quan thiết kế được Nhà nước cấp đủ kinh phí sự nghiệp (nếu là cơ quan sự nghiệp) hay đủ vốn lưu động (nếu là xí nghiệp hạch toán kinh tế) để tiến hành công tác khảo sát thiết kế.

Tiền thiết kế được thanh toán như sau :

— 60% tiền thiết kế theo định mức thiết kế được thanh toán trong giai đoạn lập bản vẽ thi

LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * Fax: +84-8-3930 3684 * www.ThuVienPhapLuat.com

công ; hạng mục công trình nào hoàn thành bản vẽ thi công và dự toán, thì được lần lượt thanh toán theo tỷ lệ trên ;

— 40% còn lại sẽ được thanh toán sau khi công trình đã thi công xong và được nghiệm thu.

Điều 31. — Khi cần phải hoàn thành thiết kế trước thời hạn đã ký hợp đồng, thì mọi phí tổn phục vụ cho yêu cầu khẩn trương đó sẽ do cơ quan giao thầu thiết kế thanh toán.

Khi thay đổi chủ trương phải sửa đổi hợp đồng thiết kế đã ký kết, thì chi phí cho khối lượng thiết kế làm dở dang do bên giao thầu thiết kế chịu.

Điều 32. — Khi thiết kế có những sai sót lớn về kỹ thuật làm ảnh hưởng đến chất lượng, độ bền vững của công trình hoặc thiết kế quá mức an toàn gây ra lãng phí, thì cơ quan chủ quản công trình phải tùy theo trường hợp cụ thể mà báo cáo lên Ủy ban Kiến thiết cơ bản Nhà nước hoặc đưa ra truy tố trước pháp luật để buộc cơ quan thiết kế phải chịu bồi thường về vật chất cho cơ quan chủ quản công trình ; đối với những cá nhân đã gây ra những sai sót lớn sẽ tùy theo mức độ mà xử lý theo pháp luật. Ngược lại, nếu cơ quan thiết kế thực hiện xong hợp đồng thiết kế trước thời hạn, tạo điều kiện cho công trình khởi công xây dựng sớm, hoặc cơ quan thiết kế có sáng kiến làm ra những bản thiết kế tốt, đem lại hiệu quả kinh tế cao, hạ giá thành xây dựng, được cơ quan giao thầu và cơ quan tài chính xác nhận, thì sẽ được khen thưởng về tinh thần và vật chất.

Khi cơ quan chủ quản công trình hay cơ quan có thẩm quyền thay đổi chủ trương, thay đổi các căn cứ so với bản nhiệm vụ thiết kế đã duyệt, do đó không chấp nhận thiết kế đã làm, thì cơ quan chủ quản công trình phải ký kết lại hợp đồng thiết kế và thanh toán cho cơ quan thiết kế như đã nói ở điều 31.

Điều 33. — Nếu cơ quan thiết kế không cung cấp đủ và kịp thời bản vẽ thi công theo hợp đồng đã ký kết, khiến cho việc thi công bị đình đốn, gây ra những thiệt hại cho cơ quan thi công thì cơ quan thiết kế phải bồi thường cho cơ quan thi công về những thiệt hại đó.

Điều 34. — Tất cả các cơ quan Nhà nước có công trình xây dựng cơ bản đều phải giao cho các cơ quan thiết kế của Nhà nước thiết kế, không được giao cho tư nhân thiết kế.

Các địa phương có các hợp tác xã thiết kế, phải căn cứ vào nguyên tắc của bản điều lệ này mà quy định việc công nhận tư cách thiết kế và chế độ trách nhiệm cho các hợp tác xã thiết kế.

Điều 35. — Sau khi công trình có nhiệm vụ thiết kế được phê chuẩn, cơ quan chủ quản và cơ quan thiết kế ký hợp đồng thiết kế.

Cơ quan giao thầu thiết kế có quyền hạn và trách nhiệm sau đây :

Ký hợp đồng thiết kế công trình với cơ quan thiết kế, theo sự phân giao thiết kế của Nhà nước ;

Giao cho cơ quan thiết kế :

— Bản sao nhiệm vụ thiết kế đã được cấp có thẩm quyền phê chuẩn,

— Văn bản xét duyệt địa điểm và bản sao ý kiến của các ngành đối với địa điểm công trình đã chọn,

— Các số liệu cần thiết để làm căn cứ cho việc thiết kế,

— Bản yêu cầu về các điều kiện sản xuất, khai thác, quản lý, sử dụng công trình, và các điều kiện ký kết hợp đồng thiết kế ;

Tổ chức việc thẩm tra thiết kế trước khi trình duyệt hoặc giao cho thi công. Nếu thiết kế không bảo đảm được yêu cầu của nhiệm vụ thiết kế hoặc không đảm bảo chất lượng, cơ quan giao thầu thiết kế có quyền không chấp thuận. Trong trường hợp này phần kinh phí bổ sung hoặc làm lại thiết kế do cơ quan thiết kế chịu ;

Thanh toán tiền thiết kế cho cơ quan thiết kế.

Điều 36. — Các cơ quan quản lý các mặt có liên quan đến công tác thiết kế như quy hoạch thành phố, khu công nghiệp, thi công, phòng hỏa, cứu hỏa, vệ sinh, an toàn lao động v.v.... nếu nhận được các yêu cầu cung cấp tài liệu hoặc các yêu cầu phát biểu ý kiến về dự án thiết kế các công trình xây dựng, cần phải trả lời cho cơ quan thiết kế sau 15 ngày kể từ khi nhận được văn bản đề nghị của cơ quan thiết kế ; nếu có những vấn đề phức tạp cần phải tổ chức nghiên cứu, rồi mới trả lời được, thì cũng phải báo cho cơ quan thiết kế biết.

Sau khi có tài liệu thiết kế, cơ quan bên A phải tổ chức cho cơ quan thiết kế trình bày rõ nội dung và yêu cầu kỹ thuật của đồ án thiết kế để cơ quan thi công nắm vững và tránh sai sót trong khi thi công. Cơ quan nhận thầu thi công có trách nhiệm nghiên cứu, soát lại thiết kế và bản vẽ thi công, khái toán và dự toán công trình, dự án tổ chức thi công, tiếp thu kỹ thuật thiết kế và ký hợp đồng cụ thể thi công. Khi cơ quan thi công phát hiện trong đồ án thiết kế có chỗ sai sót lớn, làm ảnh hưởng đến chất lượng công trình hoặc gây ra lãng phí, thì cơ quan thi công báo cho cơ quan chủ quản và cơ quan thiết kế biết để nghiên cứu sửa chữa. Sau khi đã báo 15 ngày mà chưa được trả lời, thì cơ quan quản lý cấp trên của đơn vị thi công có thể ra lệnh cho ngừng thi công phần việc sai sót đó, và báo cáo ngay lên cơ quan có thẩm quyền xét duyệt thiết kế giải quyết.

Điều 37. — Cơ quan thiết kế phải thực hiện chế độ giám sát việc thực hiện đúng thiết kế tạ

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

công trường. Trong khi thi công, nếu đơn vị thi công không làm đúng thiết kế thì người thay mặt cơ quan thiết kế có quyền lập biên bản, ghi nhận xét vào nhật ký công trường, và báo cáo lên các cơ quan Nhà nước có chức năng kiểm tra chất lượng công trình giải quyết.

Chương IV

THẨM TRA VÀ XÉT DUYỆT THIẾT KẾ

Điều 38. — Khi trình cấp có thẩm quyền xét duyệt thiết kế sơ bộ, cơ quan chủ quản công trình phải nộp đủ các hồ sơ sau đây :

— Tờ trình xin xét duyệt thiết kế,

— Bản sao nhiệm vụ thiết kế đã được phê chuẩn,

— Văn bản phê chuẩn địa điểm,

— Bản sao ý kiến các ngành đối với phương án thiết kế công trình,

— Bản thuyết minh thiết kế và các bản vẽ thiết kế quy định ở điều 8 và điều 9,

— Tổng khái toán công trình.

Điều 39. — Khi trình cấp có thẩm quyền xét duyệt thiết kế kỹ thuật, cơ quan chủ quản công trình phải nộp đủ các hồ sơ sau đây :

— Tờ trình xin xét duyệt thiết kế,

— Bản sao văn bản phê chuẩn thiết kế sơ bộ và tổng khái toán,

— Các hồ sơ thiết kế quy định ở điều 12,

— Dự toán công trình.

Điều 40. — Bản vẽ thi công do cơ quan giao thầu thiết kế chấp thuận và giao cho cơ quan thi công, không phải qua bước xét duyệt.

Điều 41. — Nay quy định các cấp có thẩm quyền xét duyệt thiết kế như sau :

Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, thủ trưởng cơ quan trực thuộc Hội đồng Chính phủ, và Chủ tịch Ủy ban hành chính các khu, tỉnh, thành phố có quyền xét duyệt thiết kế sơ bộ, tổng khái toán và tổng dự toán các công trình trên hạn ngạch thuộc ngành hoặc địa phương quản lý. Riêng đối với những công trình trên hạn ngạch có tầm quan trọng đặc biệt về kinh tế, chính trị thì Thủ tướng Chính phủ xét duyệt thiết kế sơ bộ và tổng khái toán.

Đối với những công trình dưới hạn ngạch, nói chung cũng do Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, thủ trưởng các cơ quan trực thuộc Hội đồng Chính phủ và Chủ tịch Ủy ban hành chính các khu, tỉnh, thành phố xét duyệt thiết kế sơ bộ và tổng khái toán. Riêng đối với những công trình dưới hạn ngạch, quy mô quá nhỏ, kỹ thuật giản đơn, thì Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, thủ trưởng cơ quan trực thuộc Hội đồng Chính phủ hoặc Chủ tịch Ủy ban hành chính khu, tỉnh, thành phố có thể phân cấp cho các cơ quan quản lý kiến thiết cơ bản hoặc cơ quan chủ quản cấp dưới thẩm tra và xét duyệt. Khi phân cấp phải có văn bản quy định rõ phạm vi, quyền hạn phân cấp và phải tổ chức kiểm tra, đôn đốc thường xuyên. Hàng năm các ngành trung ương và Ủy ban hành chính các khu, tỉnh, thành phố cần lập danh sách các công trình dưới hạn ngạch được phân cấp xét duyệt thiết kế để gửi cho cấp dưới và báo cáo cho Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Ủy ban Kiến thiết cơ bản Nhà nước và Bộ Tài chính.

Điều 42. — Nếu công trình có bước thiết kế kỹ thuật, thì cấp nào xét duyệt thiết kế sơ bộ sẽ duyệt thiết kế kỹ thuật cho công trình đó.

Đối với các công trình do nước ngoài thiết kế, cơ quan chủ quản công trình phải bàn bạc để thống nhất ý kiến với các ngành có trách nhiệm quản lý thiết kế trong nước trước khi làm việc với cơ quan thiết kế nước ngoài hoặc ra văn bản xét duyệt thiết kế.

Điều 43. — Để cho công tác xét duyệt thiết kế được chu đáo và nhanh chóng, trước khi ra văn bản xét duyệt cần phải tổ chức thẩm tra và lập văn bản thẩm tra để trình duyệt.

Các cơ quan giúp việc thẩm tra thiết kế ở các cấp là :

— Ủy ban Kiến thiết cơ bản Nhà nước thẩm tra thiết kế những công trình do Thủ tướng Chính phủ xét duyệt ;

— Cơ quan quản lý kiến thiết cơ bản của Bộ, Tổng cục, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban hành chính khu, tỉnh, thành phố thẩm tra thiết kế những công trình do Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, thủ trưởng cơ quan trực thuộc Hội đồng Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban hành chính khu, tỉnh, thành phố xét duyệt.

Điều 44. — Để bảo đảm tính chất khách quan của công tác thẩm tra và xét duyệt thiết kế, không được ủy quyền xét duyệt thiết kế hoặc giao nhiệm vụ thẩm tra thiết kế cho cơ quan thiết kế công trình ấy.

Điều 45. — Trước khi xét duyệt thiết kế các công trình trên hạn ngạch, cơ quan chủ quản công trình phải gửi hồ sơ thiết kế sơ bộ và hồ sơ thiết kế kỹ thuật cho Ủy ban Kiến thiết cơ bản Nhà nước ; sau khi xét duyệt xong phải gửi tiếp các văn bản thẩm tra và xét duyệt.

Khi công trình đã xây dựng xong, cơ quan chủ quản công trình phải lập lại hồ sơ thiết kế hoàn chỉnh và nộp cho Cục lưu trữ Phủ Thủ tướng một bản.

Hồ sơ thiết kế của các công trình dưới hạn ngạch do Bộ, Tổng cục, Ủy ban hành chính khu, tỉnh, thành phố chủ quản công trình lưu trữ.

Điều 46. — Để có những đồ án thiết kế tốt, tổ chức thiết kế và xét duyệt kịp thời, hàng năm các ngành, các địa phương phải lập kế hoạch khảo sát thiết kế. Ủy ban Kế hoạch Nhà nước

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban Kiến thiết cơ bản Nhà nước tổng hợp kế hoạch khảo sát thiết kế trong kế hoạch ngắn hạn và dài hạn. Các cơ quan khảo sát thiết kế có trách nhiệm tìm mọi biện pháp tổ chức thực hiện kế hoạch công tác khảo sát thiết kế do Nhà nước giao.

Điều 47. — Ủy ban Kiến thiết cơ bản Nhà nước có trách nhiệm sau đây đối với công tác quản lý thiết kế :

— Theo dõi, kiểm tra việc xét duyệt thiết kế của các ngành trung ương và địa phương ;

— Quản lý tiến độ công tác khảo sát, thiết kế ;

— Xử lý các vụ tranh chấp, khiếu nại về khảo sát, thiết kế. Đối với những vụ tranh chấp không giải quyết được thì Ủy ban Kiến thiết cơ bản Nhà nước có trách nhiệm trình Thủ tướng Chính phủ quyết định ;

— Tổ chức phân công việc nghiên cứu và xét duyệt, ban hành các loại thiết kế điển hình ;

— Nghiên cứu trình Thủ tướng Chính phủ ban hành hoặc ủy nhiệm cho ban hành các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật, các tiêu chuẩn quy phạm, quy trình khảo sát, thiết kế ;

— Kiểm tra việc thực hiện các chỉ tiêu; tiêu chuẩn; quy phạm; quy trình khảo sát, thiết kế ;

— Cung cấp thống nhất các số liệu cơ bản về điều kiện tự nhiên cho các cơ quan thiết kế trong và ngoài nước.

Điều 48. — Kể từ ngày nhận được văn bản trình duyệt thiết kế của cơ quan chủ quản, thời gian xét duyệt mỗi bước thiết kế quy định như sau :

— 10 ngày đối với công trình dưới hạn ngạch thiết kế trong nước ;

— 15 ngày đối với công trình dưới hạn ngạch thiết kế ngoài nước ;

— 20 ngày đối với công trình trên hạn ngạch thiết kế trong nước ;

— 30 ngày đối với công trình trên hạn ngạch thiết kế ngoài nước ;

— 30 ngày đối với công trình đặc biệt quan trọng thiết kế trong nước ;

— 45 ngày đối với công trình đặc biệt quan trọng thiết kế ngoài nước.

Đúng thời gian quy định trên, cơ quan có thẩm quyền phải làm xong việc xét duyệt bằng văn bản. Nếu có những vấn đề phức tạp cần phải có thêm thời gian nghiên cứu mới xét duyệt được, thì cơ quan có thẩm quyền xét duyệt thiết kế phải báo cho cơ quan trình duyệt thiết kế biết bằng văn bản. Thời gian kéo dài việc xét duyệt thiết kế không được quá nửa thời gian đã quy định trên. Sau thời gian quy định trên đây mà cơ quan có thẩm quyền không ra văn bản, thì cơ quan trình duyệt thiết kế được phép tiếp tục tiến hành các bước sau.

Điều 49. — Đối với những công trình có yêu cầu xây dựng đột xuất, cấp bách theo chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ thì phải tìm mọi biện pháp rút ngắn thời gian thiết kế và xét duyệt. Các cơ quan có trách nhiệm phải chủ động và khẩn trương bàn bạc, hợp tác với nhau, làm cho công tác thiết kế và thẩm tra, xét duyệt được chặt chẽ, thuận lợi, nhanh chóng, phục vụ kịp thời cho thi công.

Điều 50. — Nếu thiết kế không được phê chuẩn, thì cơ quan thiết kế phải làm lại thiết kế cho đến khi được phê chuẩn. Thời gian xét duyệt thiết kế lần sau được quy định bằng nửa thời gian xét duyệt lần trước. Cơ quan thiết kế không được tự ý hủy bỏ hợp đồng thiết kế, hoặc gây khó khăn đối với cơ quan giao thầu khi phải làm lại thiết kế vì không được phê duyệt.

Chương V

HIỆU LỰC CỦA ĐỒ ÁN THIẾT KẾ CÔNG TRÌNH ĐƯỢC DUYỆT

Điều 51. — Không được tự tiện thay đổi đồ án thiết kế công trình đã được cấp có thẩm quyền phê chuẩn.

Việc sửa chữa những sai sót nhỏ, bổ sung các chi tiết của bản vẽ thi công hoặc thay thế vật liệu mà không làm thay đổi nguyên tắc của thiết kế sơ bộ, thì không gọi là thay đổi thiết kế. Khi gặp trường hợp này, cần giải quyết ngay tại chỗ, cơ quan thiết kế phải chủ trì, bàn bạc thỏa thuận với cơ quan chủ quản và cơ quan thi công để sửa chữa kịp thời.

Mọi việc sửa đổi thiết kế làm ảnh hưởng lớn đến tiền vốn, vật tư, thời gian xây dựng, đều phải được cơ quan có thẩm quyền xét duyệt thiết kế chấp nhận.

Điều 52. — Đối với tất cả các loại công trình, nếu tổng khái toán vượt số vốn đã ghi trong nhiệm vụ thiết kế dưới 5%, thì cơ quan chủ quản phải xem xét và được phép điều chỉnh số vốn ghi trong nhiệm vụ thiết kế rồi báo cáo Ủy ban Kế hoạch Nhà nước và Ủy ban Kiến thiết cơ bản Nhà nước biết để kiểm tra. Nếu tổng khái toán vượt số vốn đã ghi trong nhiệm vụ thiết kế từ 5% trở lên, thì cơ quan chủ quản phải đề nghị cấp có thẩm quyền phê chuẩn nhiệm vụ thiết kế quyết định điều chỉnh lại vốn. Cụ thể là :

— Đối với công trình trên hạn ngạch, Ủy ban Kiến thiết cơ bản Nhà nước sẽ thẩm tra lại thiết kế, tổng khái toán ; Ủy ban Kế hoạch Nhà nước chịu trách nhiệm trình Thủ tướng Chính phủ phê chuẩn lại số vốn đầu tư ghi trong nhiệm vụ thiết kế.

— Đối với công trình dưới hạn ngạch; cơ quan chủ quản có quyền điều chỉnh vốn theo chế độ quản lý vốn kiến thiết cơ bản do Nhà nước quy định.

LawSoft Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Khi công trình dưới hạn ngạch vượt vốn đầu tư trở thành công trình trên hạn ngạch, thì cơ quan chủ quản phải làm lại mọi thủ tục từ đầu như đối với công trình trên hạn ngạch. Nghiêm cấm việc phân tán, xé lẻ, chia đợt xây dựng nhỏ nhằm biến công trình trên hạn ngạch thành nhiều công trình dưới hạn ngạch để trốn tránh xét duyệt.

Điều 53: — Khi thi công vượt tổng dự toán, thì giải quyết như sau :

— Nếu dự toán tăng lên do chủ trương làm thay đổi thiết kế, làm kéo dài thời hạn thi công, hoặc làm tăng thêm khối lượng xây lắp, thì khoản chi phí tăng thêm đó sẽ do cơ quan chủ quản công trình báo cáo với cấp có thẩm quyền xét duyệt để xin bổ sung dự toán công trình.

Nếu các khoản phải chi phí thêm là do thiên tai, địch họa gây ra cho công trường thi công, sau khi được cơ quan có thẩm quyền xem xét và thấy là cần thiết, thì cơ quan thi công được Nhà nước trợ cấp. Trong trường hợp có thiên tai địch họa nhưng vì thiếu trách nhiệm để gây ra hư hỏng thiệt hại thì Nhà nước không trợ cấp; cơ quan thi công phải lấy lãi bù vào các chi phí đó.

Nếu vượt dự toán do các cơ quan chủ quản công trình, cơ quan thiết kế, cung cấp vật tư, thiết bị, tài chính, quản lý kiến thiết cơ bản v.v... gây ra; thì do cơ quan đó chịu trách nhiệm và được xét từng trường hợp cụ thể để giải quyết.

Nếu vượt dự toán do tổ chức thi công không hợp lý, kéo dài thời gian xây dựng, do công trình kém phẩm chất phải phá đi làm lại, do lãng phí nguyên liệu; vật liệu và nhân lực trong khi thi công, thì cơ quan thi công phải chịu trách nhiệm.

Điều 54. — Công trình có thiết kế sơ bộ, tổng khái toán được duyệt mới được phép ghi vào kế hoạch xây dựng năm ; có dự toán và bản vẽ thi công đủ thi công cho một quý mới ghi vào kế hoạch xây dựng cơ bản quý ; chỉ những công trình đặc biệt có quyết định của Thủ tướng Chính phủ mới được ghi vào kế hoạch; mà không cần có đủ các thủ tục trên đây.

Những công trình đang thiết kế nhưng có khả năng hoàn thành thiết kế trong năm cũng chỉ được ghi vào kế hoạch dự bị, khi nào có thiết kế được duyệt mới đưa lên kế hoạch chính thức.

Điều 55. — Cơ quan thi công chỉ được phép khởi công xây dựng những công trình, hạng mục công trình hoặc bộ phận công trình đã có đủ bản vẽ thi công và dự toán.

Điều 56. — Cơ quan tài chính, ngân hàng kiến thiết chỉ được phép cho vay vốn để thi công và thanh toán, quyết toán đối với những công trình theo đúng trình tự của bản điều lệ này. Đối với những công trình chưa có đủ bản vẽ thi công và dự toán, thì chỉ được cấp kinh phí cần thiết để chuẩn bị công trường.

Điều 57. — Để giữ gìn tốt hồ sơ khoa học kỹ thuật thiết kế, từ nay đặt thành chế độ lập hồ sơ lưu trữ đối với công tác xây dựng. Đối với các tài liệu khảo sát, thiết kế và xét duyệt thiết kế, thi công do cơ quan nào làm thì cơ quan đó phải tổ chức việc lập hồ sơ lưu trữ. Công tác lập hồ sơ lưu trữ phải làm xong 6 tháng sau khi công trình hoàn thành xây dựng. Cục lưu trữ Phủ Thủ tướng có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban Kiến thiết cơ bản Nhà nước nghiên cứu hướng dẫn công tác lưu trữ hồ sơ khảo sát, thiết kế, thi công cho các công trình xây dựng.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 58. — Ủy ban Kiến thiết cơ bản Nhà nước, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Bộ Tài chính, Văn phòng Phủ Thủ tướng chịu trách nhiệm hướng dẫn, giải thích, giám sát và đôn đốc việc thi hành bản điều lệ này.

Các ngành ở trung ương và Ủy ban hành chính các khu, tỉnh, thành phố cần tổ chức phổ biến bản điều lệ này đến tận cơ sở cho cán bộ, nhân viên làm công tác xây dựng thuộc ngành và địa phương hiểu rõ và chấp hành nghiêm chỉnh.

Điều 59. — Bản điều lệ này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 1 tháng 1 năm 1972.

Tất cả những điều quy định trước đây trái với bản điều lệ này đều bãi bỏ.

(Điều lệ này được ban hành kèm theo nghị định số 242-CP ngày 31-12-1971 của Hội đồng Chính phủ).

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

QUYẾT ĐỊNH số 343-TTg ngày 14-12-1971 ban hành chế độ báo cáo thống kê và kế toán định kỳ chính thức của các đơn vị cung ứng vật tư kỹ thuật

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ nghị định số 27-CP ngày 22-2-1962 của Hội đồng Chính phủ quy định các nguyên tắc về việc lập và ban hành các chế độ, biểu mẫu và phương án điều tra thống kê ;

Căn cứ nghị quyết số 02-CP ngày 2-1-1971 của Hội đồng Chính phủ về việc tổ chức lại hệ thống thông tin kinh tế (phần nói riêng về hệ thống thông tin thống kê và kế toán).

Để đáp ứng yêu cầu của công tác kế hoạch hóa, cải tiến công tác quản lý trong các đơn vị cung ứng vật tư kỹ thuật ;

Theo đề nghị của ông Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê, ông Bộ trưởng Bộ Tài chính và ông Bộ trưởng Bộ Vật tư,

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com